

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
NĂM 2023

*(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Phú Yên, tháng 5 năm 2024



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN NĂM 2023
*(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 15 tháng 5 năm 2023.
- Vốn điều lệ: 383.635.790.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi ba tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 437.971.920.548 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi bảy tỷ chín trăm bảy mươi một triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).
- Trụ sở chính: Số 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Điện thoại: (0257) 3823 557
- Fax: (0257) 3828 388
- Website: capthoatnuocpy.com.vn
- Mã chứng khoán: PWS

- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên là Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển:

+ *Giai đoạn 9/1996 – 8/2000:*

Được thành lập vào ngày 28/9/1996 trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên, với tên gọi là Công ty Cấp nước Phú Yên hoạt động công ích theo Quyết định số 1443/QĐ-UB của UBND Tỉnh, quản lý và khai thác nhà máy nước thị xã Tuy Hòa với công suất là 5.000m³/ngày.

+ *Giai đoạn 9/2000 – 11/2005:*

Ngày 14/8/2000 Công ty được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Phú Yên theo Quyết định số 2025/QĐ-UB của UBND tỉnh với chức năng, nhiệm vụ được giao thêm là quản lý, khai thác, duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước thị xã Tuy Hòa (nay là thành phố Tuy Hòa).

+ *Giai đoạn 12/2005 đến nay:*

Từ ngày 22/12/2005, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ngày 10/11/2015 được chuyển thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước;

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên như sau:

- Nhà máy nước Tuy Hòa cung cấp cho thành phố Tuy Hoà; thị xã Đông Hòa (một phần các phường Hoà Hiệp Bắc, Hoà Hiệp Trung, Hoà Hiệp Nam (điểm cuối đến cầu Đà Nông), Hoà Vinh, một phần xã Hoà Tân Đông và Khu Công nghiệp Hoà Hiệp); huyện Tuy An (một phần xã An Chấn); huyện Phú Hòa (một phần xã Hoà An và điểm Tiêu thụ Công nghiệp Hoà An);

- Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu cung cấp cho các xã: xã Xuân Bình, Xuân Lộc, Xuân Hải; cấp nước qua đồng hồ tổng cho thôn Bình Thạnh Nam Xã Xuân Bình và khu bốn bãi xã Xuân Hải thị xã Sông Cầu và Khu Công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu thuộc thị xã Sông Cầu;

- Nhà máy nước Tuy An: Cung cấp cho thị trấn Chí Thạnh và các xã lân cận như An Cư, An Thạch, An Dân, An Định, An Ninh Đông, An Ninh Tây, An Mỹ, An Hòa Hải;

- Nhà máy nước Đồng Xuân: Cung cấp cho thị trấn La Hai và một phần xã Xuân Quang 3, Xuân Long;

- Nhà máy nước Hai Riêng: Cung cấp cho thị trấn Sông Hinh và các xã lân cận: xã Ea Bia, Ea Trol.

- Nhà máy nước Củng Sơn: Cung cấp cho thị trấn Sơn Hòa và một phần xã Suối Bạc; cấp nước qua đồng hồ tổng cho một phần xã Sơn Hà;

- Nhà máy nước Phú Hòa: Cung cấp cho thị trấn Phú Hòa, Thị trấn Phú Thứ, xã Hoà Đông và bán qua đồng hồ tổng cấp nước cho xã Hoà Quang Bắc, xã Hoà Quang Nam huyện Phú Hoà

- Nhà máy nước Vũng Rô: Cung cấp cho thôn Vũng Rô và cảng Vũng Rô, xã Hoà Xuân Nam, thị xã Đông Hòa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Tổng Giám đốc:

- + Tổng Giám đốc;
- + 03 Phó Tổng Giám đốc.

- Các phòng chức năng, chi nhánh gồm:

- + Phòng Hành chính – Tổng hợp;
- + Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật;
- + Phòng Tài chính – Kế toán;
- + Phòng Pháp chế.
- + Phòng Quản lý đầu tư – Xây dựng cơ bản;
- + Chi nhánh Dịch vụ – Xây lắp;
- + Chi nhánh Cấp nước số 1;
- + Chi nhánh Cấp nước số 2;
- + Chi nhánh Cấp nước số 3.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trong vùng phục vụ cấp nước của Công ty, đảm bảo lưu lượng, áp lực, chất lượng nước; nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng; phấn đấu giảm dần tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch theo lộ trình hàng năm;

- Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty và đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp nước đô thị;

- Đầu tư phát triển đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội của nhà nước;

- Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ;

- Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững;

- Việc làm của người lao động ổn định, thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn (giai đoạn 2021-2025):

Phấn đấu đến hết năm 2025:

- Công suất thiết kế toàn Công ty đạt từ 90.000 m³/ng.đ – 110.000 m³/ng.đ (chưa bao gồm hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nam Phú Yên), đảm bảo năng lực sản xuất nước sạch đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh theo Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Phú Yên đã được phê duyệt.

- Dân số đô thị được sử dụng nước sạch khoảng 500.000 người, tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ng.đ. Dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch đạt khoảng 200.000 người, tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 90 lít/người/ng.đ.

- Chất lượng nước cấp đạt quy chuẩn theo quy định.

- Dịch vụ cấp nước ổn định, liên tục 24 giờ trong ngày; áp lực nước trên toàn mạng đạt quy chuẩn quy định, áp lực tại điểm bất lợi nhất đạt 10m cột nước .

- Đảm bảo hoạt động đúng ngành nghề theo Điều lệ Công ty, đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực cấp thoát nước đô thị và nghiên cứu xem xét mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp, tăng số lượng sản phẩm phục vụ xã hội.

- Định hướng đầu tư phát triển bền vững và theo lộ trình đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp của Chính phủ.

- Các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, bền vững.

- Đời sống của người lao động ngày càng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người ở mức trên trung bình so với các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật- công nghệ- tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ- đưa đến khách hàng các dịch vụ, phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nam Phú Yên đảm bảo phù hợp với tiến độ hình thành và phát triển của Khu Kinh tế.

- Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Từng bước chuyển đổi nguồn nước khai thác từ nước dưới đất sang nước mặt ở những khu vực có điều kiện khai thác nước mặt, phù hợp với công nghệ của từng nhà máy để đảm bảo tính bền vững, giảm chi phí, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 90% sản lượng khai thác nguồn nước mặt; chuyển dần sang sử dụng nguồn năng lượng thiên nhiên (năng lượng mặt trời); chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường trong khai thác nước và xử lý nước thải của các nhà máy.

- Đáp ứng đủ nhu cầu nước sinh hoạt cho cộng đồng, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu bệnh tật do sử dụng nguồn nước ô nhiễm.

- Sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường. Luôn đảm bảo cấp nước an toàn và đầy đủ cho khách hàng, đặc biệt là khi có ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về khai thác và kinh doanh nước sạch; hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.



- Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

5. Rủi ro:

- Biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, hạn hán diễn ra trên diện rộng và kéo dài gây ra thiếu nguồn nước thô phục vụ sản xuất làm giảm sản lượng cung cấp cho khách hàng (NMN Sông Cầu, NMN Tuy An; Sơn Hòa); biên độ mặn ngày càng thâm nhập sâu, độ mặn nguồn nước có thời điểm vượt tiêu chuẩn cho phép dẫn đến một số công trình thu phải dừng khai thác (công trình thu thuộc nhà máy nước Tuy Hòa tại xã Hòa An, bãi giếng khai thác thuộc NMN Sông Cầu tại thôn Bình Nông, xã Xuân Lâm). Quản lý nguồn nước (đặc biệt là nguồn nước mặt) tại một số địa phương còn chưa chặt chẽ, nhất là công tác quản lý các hộ kinh doanh nhỏ lẻ xả thải chưa qua hệ thống xử lý có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước. Các giếng khai thác được đặt ở các vị trí ven sông, nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ cao, ảnh hưởng đến khả năng khai thác của các nhà máy.

- Dân cư phân bố không đồng đều nên những khu vực xa trung tâm, nằm ngoài thành phố hoặc các thị trấn có mật độ dân cư thưa dẫn đến hiệu suất đầu tư thấp, thường xuyên bù lỗ. Một số khu vực đã đầu tư mạng lưới cấp nước nhưng do người dân có thói quen và ưu tiên sử dụng nước giếng khoan, giếng đào nên rất hạn chế sử dụng nguồn nước Công ty cung cấp dẫn đến hiệu quả đầu tư tại một số khu vực không cao.

- Một số tuyến ống được đầu tư trên 15 năm thường xuyên rò rỉ làm tăng chi phí sửa chữa và thất thoát lớn.

- Công tác chỉnh trang đô thị, công tác mở rộng nâng cấp các tuyến đường đô thị thực hiện chưa đồng bộ, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các chủ đầu tư và các đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật trong đó có hạ tầng cấp nước dẫn đến một số tuyến ống bị bể trong quá trình thi công hoặc bị lấp sâu do nâng cao độ nền đường, nền vỉa hè gây khó khăn trong việc kiểm soát thất thoát rò rỉ và đấu nối khách hàng. Hàng năm Công ty phải tự bỏ kinh phí tương đối lớn để thực hiện di dời các tuyến ống do mở rộng các tuyến đường giao thông; Tình trạng khách hàng tự ý đấu nối sử dụng nước chưa qua đồng còn diễn ra.

- Việc khoan khai thác nước ngầm trái phép để sản xuất, sinh hoạt còn rất phổ biến trên địa bàn toàn tỉnh làm giảm nhu cầu dùng nước sạch và giảm hiệu quả đầu tư các dự án cấp nước trên địa bàn.

II. Tình hình hoạt động năm 2023:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 được thể hiện trong bảng sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2023 | Thực hiện năm 2023 | So với kế hoạch (%) |
|-----|-------------------------|----------------|---------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 14.296.000 | 14.890.642 | 104,2% |

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2023 | Thực hiện năm 2023 | So với kế hoạch (%) |
|-----|---|----------------|---------------|--------------------|---------------------|
| 2 | Sản lượng nước tiêu thụ | m ³ | 11.718.000 | 11.922.759 | 101,7% |
| 3 | Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu | % | 18,0% | 19,9% | Tăng 1,9% |
| 4 | Tổng doanh thu và thu nhập | Tr.đồng | 131.000 | 137.062 | 104,6% |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| | - Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch | Tr.đồng | 123.000 | 125.059 | 101,7% |
| | - Hoạt động kinh doanh khác | Tr.đồng | 3.000 | 2.865 | 95,5% |
| | - Hoạt động tài chính | Tr.đồng | 5.000 | 9.125 | 182,5% |
| | -Thu nhập khác | Tr.đồng | | 13 | |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 19.500 | 33.767 | 173,2% |
| 6 | Nộp ngân sách (miễn thuế TNDN) | Tr.đồng | 14.000 | 13.370 | 95,5% |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức | % | 4 | 7,5 | 187,5% |

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Địa chỉ | Trình độ nghề nghiệp | Ngày bổ nhiệm | Tỷ lệ cổ phần sở hữu |
|-----|------------------|-------------------|-----------|--|---|---------------|---|
| 1 | Đỗ Hoàng Long | Tổng Giám đốc | 15/2/1975 | 106 Mạc Đình Chi, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương | Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng | 11/05/2020 | Đại diện phần vốn C.ty Aqua One: 29,82% |
| 2 | Nguyễn Phú Liệu | Phó Tổng Giám đốc | 08/9/1966 | Tổ 13, khu phố Trần Phú, P8, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên | Kỹ sư Xây dựng-CN Cấp thoát nước | 11/05/2020 | Đại diện phần vốn Nhà nước: 10%; Cá nhân: 0,0130% |
| 3 | Nguyễn Tấn Thuận | Phó Tổng Giám đốc | 28/5/1967 | 123 Hùng Vương, Phường 6, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên | Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp; | 11/05/2020 | ĐD phần vốn NN: 28,42% Cá nhân: 0,1291% |

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày sinh | Địa chỉ | Trình độ nghề nghiệp | Ngày bổ nhiệm | Tỷ lệ cổ phần sở hữu |
|-----|--------------------|-------------------|-----------|--|-------------------------------|---------------|----------------------|
| | | | | | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | | |
| 4 | Nguyễn Khắc Toàn | Phó Tổng Giám đốc | 03/7/1970 | 17A/9 Nguyễn Tất Thành, Phường 2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên | Kỹ sư Đô thị - Cấp thoát nước | 13/07/2021 | 0,001% |
| 5 | Nguyễn Thị Xuân Tụ | Kế toán trưởng | 19/8/1976 | KP 4, Phường 2, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên | Cử nhân Kế toán doanh nghiệp | 01/01/2021 | 0,006% |

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:

2.3.1. Tổng số Ban điều hành và người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2023 là: 228 người, phân loại lao động chi tiết theo bảng sau:

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|------------------|------------|
| Tổng số | 228 | |
| 1. Phân loại theo trình độ lao động | 228 | 100 |
| - Trình độ trên Đại học | 06 | 2,63 |
| - Trình độ Đại học | 84 | 36,84 |
| - Trình độ Cao đẳng | 18 | 7,89 |
| - Trình độ Trung cấp | 32 | 14,04 |
| - Chứng chỉ nghề | 78 | 34,21 |
| - Lao động phổ thông | 10 | 4,39 |
| 2. Phân theo loại hợp đồng lao động | 228 | 100 |
| - Ban điều hành Công ty (Do HĐQT bổ nhiệm) | 05 | 2,19 |
| - Hợp đồng lao động không xác định thời hạn | 174 | 76,32 |
| - Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm | 48 | 21,05 |
| - Hợp đồng thử việc | 1 | 0,44 |
| 3. Phân theo giới tính | 228 | 100 |
| - Nam | 167 | 73,25 |
| - Nữ | 61 | 26,75 |

2.3.2. Một số chính sách quan trọng của Công ty trong năm 2023

- Ban hành Quy định kiểm soát nội bộ và xử lý các trường hợp vi phạm tại các Chi nhánh Cấp nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Quy định phạm vi, phương pháp và hình thức xử lý vi phạm đối với hoạt động kiểm soát nội bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Chi nhánh Cấp nước.

- Sửa đổi, bổ sung:

+ Quy chế lương: Quy chế lương được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy chế, quy định mới của Công ty, đảm bảo tính hợp lý trong thu nhập giữa các khối người lao động và đảm bảo tính đúng, tính đủ các khoản phụ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Quy chế quản lý tài chính, Quy định chi tiêu nội bộ: Nhằm quản lý, kiểm soát các khoản chi phát sinh trong Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và tạo điều kiện cho cá nhân, đơn vị trong Công ty chủ động trong việc quản lý chi phí hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Về thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Bảng: Tổng hợp kết quả thực hiện năm 2023

| STT | Nguồn vốn | Kế hoạch vốn (triệu đồng) | Kết quả thực hiện năm 2023 (triệu đồng) | Tỷ lệ hoàn thành so KH (%) |
|-----|-------------------------|------------------------------|---|----------------------------------|
| 1 | Vốn huy động cổ đông | 64.500 | 1.908 | 2,96% |
| 2 | Vốn doanh nghiệp | 79.670 | 49.815 | 62,53% |
| 3 | Vốn vay | 30.000 | 0 | 0,00% |
| | Tổng cộng | 174.170 | 51.723 | 29,70% |

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án: Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước cho các hộ dân thôn Ngọc Phước 1 xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa; Phát triển tuyến ống dịch vụ cấp nước cho các nhóm hộ Khu phố 1, Khu phố 3 và Khu phố 4, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa; Phát triển mạng lưới cấp nước thôn Xuân Dục và thôn Chính Nghĩa thuộc xã An Phú, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Sửa chữa, thay thế tuyến ống dịch vụ uPVC nhà máy nước Hai Riêng dọc Quốc lộ 29 đoạn đường Trần Hưng Đạo và đường Lê Lợi; Nâng cấp phòng thí nghiệm theo Quy chuẩn địa phương; Đầu tư phát triển mạng tuyến ống Cấp nước cho thôn Phú Mỹ, xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu; Cải tạo, thay thế tuyến ống uPVC phía Tây đường Trần Phú, Thị trấn Hai Riêng; Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Chí Thạnh và mở rộng hệ thống đường ống công suất 15.000m³/ng.đ, Giai đoạn 01



(đến năm 2025) 9000m.3/ng.đ; Hạng mục: Tuyến ống cấp nước phía Bắc thành phố Tuy Hoà thuộc dự án: Cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hoà.

3.2. Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng:

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã có báo cáo số 42/BC-CTN ngày 19/3/2024 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Tăng/giảm (±%) |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4=(3-2)/2 |
| Tổng giá trị tài sản | 500.354.519.205 | 516.222.255.830 | 3,2% |
| Doanh thu thuần | 109.622.903.536 | 127.923.685.071 | 16,7% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 17.687.411.221 | 33.881.823.075 | 91,6% |
| Lợi nhuận khác | 226.544.424 | (115.226.969) | -150,9% |
| Lợi nhuận trước thuế | 17.913.955.645 | 33.766.596.106 | 88,5% |
| Lợi nhuận sau thuế | 15.612.751.665 | 30.575.774.077 | 95,8% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 3,50% | 7,50% | 114,3% |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 6,43 | 3,75 | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | 6,18 | 3,60 | |

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,16 | 0,15 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,19 | 0,18 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | 10,67 | 10,09 | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | | | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,22 | 0,25 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,14 | 0,24 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,037 | 0,071 | VCSH bq |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,030 | 0,060 | TTS bq |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,16 | 0,26 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu: 38.363.579 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), trong đó:
- + Cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 38.220.479 cổ phiếu
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 143.100 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Bảng 1: Cổ đông lớn (nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần) và cổ đông nhỏ

| Stt | Tên cổ đông | CMT/ GCN ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phần sở hữu | % VDL |
|-----|-------------------------------|---|--|-------------------|-------|
| 1 | Công ty Cổ phần nước Aqua One | Số 0313062501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/12/2014 và sửa đổi lần thứ 15 ngày 27/02/2024 | 72/38 Ngô Tất Tố, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh | 22.879.025 | 59,64 |

| Stt | Tên cổ đông | CMT/ GCN ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phần sở hữu | % VDL |
|------------------|------------------------------|---------------|--|-------------------|------------|
| 2 | Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên | | Số 07 Đường Độc Lập, Phường 7, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | 14.740.600 | 38,42 |
| 3 | Cổ đông còn lại | | | 743.954 | 1,94 |
| Tổng cộng | | | | 38.363.579 | 100 |

Bảng 2: Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

| Stt | Họ và tên | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|------------------|--------------------|------------------|-------------------|-----------------------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 205 | 38.349.679 | 99,96 |
| - | Tổ chức | 2 | 37.619.625 | 98,06 |
| - | Cá nhân | 203 | 730.054 | 1,90 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 4 | 13.900 | 0,04 |
| Tổng cộng | | 209 | 38.363.579 | 100 |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch trong năm 2023.

5.5. Các chứng khoán khác: Không phát hành trong năm 2023.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong năm 2023 để sản xuất chủ yếu gồm các loại hóa chất dùng xử lý nước như: Clo 23,4 tấn; PAC 129,1 tấn; Xút (NaOH) 4,0 tấn.

- Nguyên vật liệu được sử dụng để đóng gói: Không.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Tổng lượng điện tiêu thụ khoảng 4,4 triệu kw.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước: Do Công ty cung cấp.

Lượng nước sử dụng khoảng 2.900 m³/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương bình quân đối với người lao động:

- Số lượng lao động tới thời điểm ngày 31/12/2023: 228 người

- Mức lương bình quân Công ty năm 2023: 6,7 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Người lao động được tham gia đầy đủ các loại hình bảo hiểm bắt buộc, ngoài ra còn được mua thêm gói bảo hiểm thân thể;

- Được trang bị đồng phục, bảo hộ lao động (5.000.000 đồng/người).

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Chú trọng công tác đào tạo nội bộ nâng cao nghiệp vụ cho người lao động Công ty; cử người lao động đến giao lưu, học hỏi kinh nghiệm từ các Công ty Cấp nước và tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ online.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty có mô hình giúp đỡ xã khó khăn và cán bộ, đảng viên giúp đỡ hộ nghèo theo Kế hoạch số 68-KH/TU, ngày 14/02/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên:

+ Tặng 60 suất quà, mỗi suất trị giá 500.000 đồng cho 60 hộ nghèo xã EaTrol, huyện Sông Hinh nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão - 2023 (30 triệu đồng).

+ Tặng 20 suất quà, mỗi suất trị giá 500.000 đồng cho 20 hộ nghèo xã EaBia, huyện Sông Hinh nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão - 2023 (10 triệu đồng).

- Công ty có mô hình giúp đỡ xã khó khăn và cán bộ, đảng viên giúp đỡ hộ nghèo theo Kế hoạch số 64-KH/TU ngày 28/02/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy Tuy Hòa:

+ Hỗ trợ Xây dựng Nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo Bà Huỳnh Thị Mỹ hiện ở tại tổ 15, Khu phố 2, Phường 4, thành phố Tuy Hoà (20 triệu đồng).



+ Tặng 06 suất quà, mỗi suất trị giá 300.000 đồng cho cho 06 hộ nghèo xã Bình Ngọc, nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão - 2023 (1,8 triệu đồng).

- Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ nhiều công tác từ thiện xã hội trong tỉnh như:

+ Hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn tại Công ty nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023, mỗi suất 05 triệu đồng (25 triệu đồng).

+ Hỗ trợ đoàn viên, công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo nhân Tháng Công nhân, mỗi suất 500.000 đồng (05 triệu đồng).

+ Hỗ trợ cho 05 gia đình người lao động thuộc Công ty có hoàn cảnh khó khăn trong 6 tháng đầu năm 2023, mỗi gia đình là 10 triệu đồng (50 triệu đồng).

+ Đồng hành cùng Hội LHPN tỉnh Phú Yên, Công ty nhận đỡ đầu cho 05 cháu mồ côi trên địa bàn: TP Tuy Hòa, TX Đông Hòa, huyện Phú Hòa, huyện Sông Hinh và huyện Đồng Xuân năm 2023 (30 triệu đồng).

+ Tài trợ Hội khuyến học tỉnh Phú Yên năm 2023 (05 triệu đồng).

+ Ủng hộ vào Quỹ "Vì người nghèo" năm 2023 (20 triệu đồng).

+ Ủng hộ vào Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" năm 2023 (10 triệu đồng).

+ Tặng 200 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại xã Hoà Thịnh và xã Hoà Mỹ Đông, huyện Tây Hoà nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão - 2023 mỗi suất 300.000 đồng (60 triệu đồng).

+ Hỗ trợ Chương trình "Tết Sum vầy - Xuân gắn kết" do LĐLĐ tỉnh tổ chức năm 2023 (05 triệu đồng).

+ Đồng hành cùng LĐLĐ tỉnh Phú Yên, Công ty đã tặng 20 suất quà cho người lao động nghèo tại Lễ phát động tháng Công nhân và tháng an toàn vệ sinh lao động tại Khu Công nghiệp An Phú Và Khu Công nghiệp Hòa Hiệp, mỗi suất 500.000 đồng (10 triệu đồng).

+ Tặng 2.000 quyển vở cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại Trường Tiểu học và THCS xã Hoà Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên nhân Lễ Khai giảng năm học mới 2023-2024 vào sáng ngày 05/9/2023 (20 triệu đồng).

+ Tặng 200 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em năm 2023 do UBND tỉnh Phú Yên tổ chức tại huyện Tây Hoà mỗi suất 70.000 đồng (14 triệu đồng).

+ Công ty tham gia đóng góp Quỹ xã hội (20.000 đồng/người) cho LĐLĐ Tỉnh năm 2023 (4,54 triệu đồng).

+ Cử 03 CB.NLĐ Công ty tham gia hiến máu nhân đạo vào ngày 12/5/2023.

** Tổng số tiền Cán bộ, đảng viên, người lao động và Công ty hỗ trợ năm 2023 là 320,24 triệu đồng.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Đánh giá kết quả hoạt động:

400
C
C
P
P
H
H

- Thời tiết trong năm thuận lợi cho việc cung ứng nước sạch trên địa bàn toàn tỉnh, nhu cầu dùng nước của khách hàng tăng cao nên sản lượng nước tiêu thụ đạt so với kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu nước sạch 19,9%, vượt 1,9% so với kế hoạch. Trong năm 2023 các Chi nhánh Cấp nước có nhiều cố gắng trong việc kiểm soát thất thoát nước, tỷ lệ thất thoát giảm 0,4% so với năm 2022, tuy nhiên vẫn cao so với kế hoạch đề ra.

- Tổng doanh thu và thu nhập năm 2023 là 137.062 triệu đồng, đạt 104,6% so với kế hoạch, trong đó Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nước sạch 125.059 triệu đồng, chiếm 91,2 % tổng doanh thu.

- Việc cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân và khách hàng trên địa bàn luôn đảm bảo, ổn định chất lượng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

- Công tác quản lý, cải tạo, phát triển mạng lưới và công tác giảm nước không doanh thu luôn được quan tâm đầu tư, thực hiện thường xuyên, góp phần đưa hoạt động kinh doanh ngày càng hiệu quả.

- Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ngày càng nâng cao, bám sát và đảm bảo yêu cầu công tác đề ra

- Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước; việc chăm lo chế độ, chính sách cho người lao động được đảm bảo và nâng cao, đời sống người lao động được cải thiện đáng kể

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến trong quản lý hệ thống cấp nước như Scada, sử dụng biến tần điều khiển tự động áp lực và lưu lượng trạm bơm cấp 2 theo nhu cầu dùng nước của khách hàng thay vì điều khiển bằng tay; giám sát và đo liên tục 24/24 giờ một số chỉ tiêu quan trọng bằng thiết bị đo tự động.

- Phạm vi cung cấp nước ngày càng mở rộng, tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch năm sau cao hơn năm trước; áp lực và lưu lượng cung cấp đến khách hàng được duy trì ổn định và đáp ứng nhu cầu dùng nước của khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng về lắp đặt hoặc tư vấn dùng nước sau đồng hồ; bố trí trực nhật và đảm bảo tiếp nhận kịp thời mọi thông tin, phản ánh từ khách hàng. Qua đó ngày càng nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với Công ty.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng; sử dụng nhiều kênh thanh toán điện tử để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng thanh toán tiền nước; xây dựng các chương trình hành động cụ thể hướng tới khách hàng nhằm giải quyết tốt nhất các yêu cầu của khách hàng.

- Các quy định, quy chế quản lý luôn được hoàn thiện và sửa đổi bổ sung để phù hợp với tình hình cụ thể.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tình hình quản lý tài sản: Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết tình hình biến động các loại tài sản theo đúng quy định của Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính: "Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp". Tổng giá trị tài sản cuối năm 2023 là 516.222 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Quản lý nợ tại doanh nghiệp: Các khoản nợ phải thu, phải trả Công ty mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, định kỳ đối chiếu công nợ; Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn): 3,75
- Hệ số thanh toán nhanh: ((TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn): 3,6
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản: 0,15
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,18

Công ty sử dụng vốn hiệu quả, vốn được bảo toàn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ (khả năng thanh toán ngắn hạn: 3,75 lần; khả năng thanh toán nhanh là 3,6 lần).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng phần mềm Scada để giám sát mạng đường ống tại các Nhà máy nước: Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân và Sông Hinh; Riêng Nhà máy nước Tuy Hòa đầu tư tự động hóa hoàn toàn; Sử dụng biến tần điều khiển máy bơm tại tất cả các Nhà máy nước thuộc Công ty.

- Ứng dụng nhiều tiện ích của công nghệ thông tin trong công tác quản lý, cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua website của Công ty với những thông tin như tra cứu về thông tin tiền nước, thanh toán tiền nước, thông tin liên kết thu tiền qua ngân hàng, quy trình và tiến độ giải quyết hồ sơ khách hàng...

- Đa dạng hóa việc thanh toán hóa đơn tiền nước qua hệ thống Ngân hàng bằng các hình thức ủy nhiệm thu; thu qua thẻ ATM, thu tại quầy ngân hàng và tiếp tục nghiên cứu thêm các kênh thanh toán tiện ích cho khách hàng và nâng cao tỷ trọng tiền nước thu được không dùng tiền mặt, đảm bảo công tác quản lý thu nộp tiền nước của Công ty ngày càng an toàn hơn. Triển khai phần mềm thu tiền nước bằng điện thoại di động tại tất cả các Chi nhánh cấp nước.

- Từng bước xây dựng và đào tạo đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng làm cơ sở cho việc quản lý các phân vùng cung cấp nước nhằm thực hiện hiệu quả công tác giảm thất thoát nước và phục vụ khách hàng tốt hơn.

- Ban hành quy định thưởng và xử lý trách nhiệm trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của người quản lý, người lao động trong việc tham gia chống thất thoát nước sạch và xác định trách nhiệm vật chất của người trực tiếp gây ra thất thoát nước, đồng thời động viên, khuyến khích

568
TY
AN
NU
EN
T.P.

người lao động cũng như các tổ chức khác trong công tác quản lý chống thất thoát nước sạch tại Công ty.

4. Kế hoạch phát triển năm 2024:

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Căn cứ Quyết định số 02/2024/QĐ-HĐQT ngày 02/01/2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 như sau:

- Tổng doanh thu : 136.200 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 30.000 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí) : 13.500 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 4,0%.

4.2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản kế hoạch năm 2024: 171.550 triệu đồng.

Chi tiết như bảng sau:

| Stt | Tên công trình | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn năm 2024 (tr.đồng) | | | |
|-----|--|-------------------------|---------------------|---------------------------------|----------------------|----------------------|---------------|
| | | | | Tổng | Vốn huy động cổ đông | Vốn của doanh nghiệp | Vốn vay |
| I | Dự án chuyển tiếp từ năm 2023 | | | 148.050 | 49.000 | 18.050 | 81.000 |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000 m ³ /ngày đêm lên 8.000 m ³ /ngày đêm. | Thị xã Sông Cầu | 2017-2024 | 11.000 | 11.000 | 0 | 0 |
| 2 | Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ 900 m ³ /ngày đêm lên 10.000 m ³ /ngày đêm (Phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025: 5.000 m ³ /ngđ; giai đoạn đến năm 2030: 10.000 m ³ /ngđ) | Thị xã Sông Cầu | 2020-2025 | 98.000 | 38.000 | 0 | 60.000 |
| 3 | Khảo sát, nghiên cứu, lập đề xuất Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nam Phú Yên, CS 100.000 m ³ /ngày đêm, GĐ1: 50.000 m ³ /ngày đêm: | Khu kinh tế Nam Phú Yên | 2020-2024 | 500 | 0 | 500 | 0 |

| Stt | Tên công trình | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn năm 2024 (tr.đồng) | | | |
|-----------|--|--|---------------------|---------------------------------|----------------------|----------------------|----------|
| | | | | Tổng | Vốn huy động cổ đông | Vốn của doanh nghiệp | Vốn vay |
| | Công tác chuẩn bị đầu tư (FS) | | | | | | |
| 4 | Dự án cải tạo, nâng công suất mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Tuy Hòa | Tp. Tuy Hòa và khu vực lân cận | 2020-2024 | 4.000 | 0 | 4.000 | |
| 5 | Cải tạo, nâng công suất Nhà máy nước Chí Thạnh và mở rộng hệ thống đường ống công suất 15.000 m ³ /ng.đ, giai đoạn 1 (đến năm 2025): 9.000 m ³ /ng.đ | Huyện Tuy An | 2020-2025 | 200 | 0 | 200 | 0 |
| 6 | Xây dựng tuyến ống truyền tải cấp nước cho thị trấn Phú Thứ và thị trấn Phú Hoà sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước Tuy Hoà | Các xã: Hòa An, Hòa Thắng và thị trấn Phú Hoà, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên | 2022-2024 | 30.000 | 0 | 9.000 | 21.000 |
| 7 | Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại nhà máy nước Chí Thạnh | NMN Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên | 2023-2024 | 2.200 | 0 | 2.200 | 0 |
| 8 | Đầu tư trang bị thiết bị và dụng cụ phục vụ chống thất thoát nước | Phòng KH-KT và các CN Cấp nước thuộc Công ty | 2023-2024 | 300 | 0 | 300 | 0 |
| 9 | Phát triển mạng tuyến ống dịch vụ cấp nước khu vực huyện Tuy An | huyện Tuy An | 2023-2024 | 1.850 | | 1.850 | 0 |
| II | Dự án đầu tư mới năm 2024 | | | 23.500 | 0 | 23.500 | 0 |
| 1 | Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất nước tinh khiết đóng bình và đóng chai | Thành Phố Tuy Hoà | 2024 | 6.000 | | 6.000 | |

| Stt | Tên công trình | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn năm 2024 (tr.đồng) | | | |
|-----|--|---|---------------------|---------------------------------|----------------------|----------------------|---------------|
| | | | | Tổng | Vốn huy động cổ đông | Vốn của doanh nghiệp | Vốn vay |
| 2 | Phát triển tuyến ống cấp nước xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa | Xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa | 2024 | 1.000 | | 1.000 | |
| 3 | Phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước thuộc vùng phục vụ Nhà máy nước Tuy Hoà | Thành Phố Tuy Hoà, Huyện Tuy An, thị xã Đông Hoà, xã Hoà An | 2024 | 3.000 | | 3.000 | |
| 4 | Mở rộng tuyến ống cấp nước khu vực thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hoà | Huyện Tây Hoà | 2024 | 500 | | 500 | |
| 5 | Cải tạo, sửa chữa thay thế tuyến ống phân phối và dịch vụ tại Chi nhánh cấp nước số 1 | Thành phố Tuy Hoà, Thị xã Đông Hoà | 2024 | 3.000 | | 3.000 | |
| 6 | Cải tạo, sửa chữa thay thế tuyến ống phân phối và dịch vụ tại Chi nhánh cấp nước số 2 | Huyện Tuy An, huyện Đông Xuân, Thị xã Sông cầu | 2024 | 1.500 | | 1.500 | |
| 7 | Cải tạo, sửa chữa thay thế tuyến ống phân phối và dịch vụ tại Chi nhánh cấp nước số 3 | Huyện Sông Hinh, huyện Sơn Hoà | 2024 | 2.500 | | 2.500 | |
| 8 | Đầu tư phát triển mạng tuyến ống Cấp nước cho Thôn Dân Phú 1, xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu | Xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu | 2024 | 2.000 | | 2.000 | |
| 9 | Đầu tư thiết bị phục vụ giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 | Các Nhà máy thuộc Công ty | 2024 | 4.000 | | 4.000 | |
| | Tổng (I+II) | | | 171.550 | 49.000 | 41.550 | 81.000 |

011
 NG
 PH
 HOẠT
 LÚ Y
 SA -

4.3. Biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch:

a) Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Lập và triển khai thực hiện triệt để kế hoạch cấp nước an toàn tại các nhà máy, trong đó chú trọng công tác phòng chống hạn hán, xâm thực mặn để duy trì ổn định nguồn nước; duy trì kiểm soát chất lượng nước theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị và hạ tầng cơ sở khác để đảm bảo toàn bộ hệ thống hoạt động ổn định, an toàn;

- Tăng cường các giải pháp quản trị mạng lưới đường ống (phân vùng, tách mạng, thiết lập các DMA, Block, lắp đặt thiết bị chuyên dụng ...) và tối ưu hóa vận hành để giảm thất thoát nước, phấn đấu giảm tỉ lệ thất thoát hàng năm 1%/năm; xây dựng kịch bản vận hành hợp lý để tiết kiệm điện năng cho các nhà máy. Tuân thủ thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ áp dụng vào sản xuất nhất là trong vận hành hệ thống, tiết giảm nhân lực, hướng dẫn đến tự động hóa; kiểm soát chất lượng nước đầu vào, nâng cao chất lượng nước đầu ra.

- Thúc đẩy thực hiện các ngành nghề kinh doanh khác như: Thi công xây lắp, tư vấn thiết kế và một số ngành nghề kinh doanh có lợi thế.

b) Đầu tư phát triển:

- Tập trung thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng công suất các nhà máy xử lý nước nằm trong kế hoạch nhằm chủ động về năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu về nước sạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với mục tiêu của từng khu vực. Đồng thời từng bước thực hiện các dự án phát triển mạng lưới đường ống phù hợp với tốc độ phát triển tại địa phương. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án phải đáp ứng được nhu cầu về nước sạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức phân vùng, tách mạng để điều tiết lưu lượng và điều chỉnh áp lực cho từng khu vực một cách hợp lý, hiệu quả nhằm kiểm soát thất thoát nước. Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực có nhu cầu sử dụng nước.

c) Quản trị doanh nghiệp:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chỉ đạo sát sao kế hoạch đề ra, kiểm soát quá trình và kết quả thực hiện để đánh giá và có sự chỉ đạo kịp thời. Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm cho từng đơn vị theo từng nhà máy để các đơn vị chủ động trong điều hành sản xuất.

- Tăng cường công tác quản lý tại các nhà máy nước, đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các nhà máy hướng tới an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

- Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, đảm bảo yêu cầu phân quyền, phân cấp. Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động tại Công ty.

- Tăng cường các chính sách lao động, phát huy tối đa khả năng của người lao động, đồng thời tạo được tâm lý gắn bó lâu dài và luôn cống hiến vì Công ty.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động trong mọi hoạt động sản xuất để đảm bảo hiệu quả và an toàn.

d) Giải pháp về tài chính:

- Sử dụng khấu hao tài sản thu hồi hàng năm; thực hiện trích quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế; giảm tỷ lệ chi trả cổ tức để có nguồn vốn thực hiện các dự án.

- Lựa chọn ngân hàng để vay vốn thực hiện dự án theo kế hoạch.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:* Không

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Tập thể người lao động toàn Công ty luôn đoàn kết, thống nhất, cố gắng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao. Đội ngũ cán bộ người lao động Công ty có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; đội ngũ công nhân lành nghề, nhiều kinh nghiệm. Tinh thần làm việc của phần lớn cán bộ, công nhân viên có sự thay đổi tích cực, phát huy được ý thức trách nhiệm và tinh thần tự giác trong công việc

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Doanh nghiệp đã thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng qua các việc sau:

- Đảm bảo sản xuất, cung cấp nước ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các đối tượng khách hàng; chất lượng sản phẩm nước sạch đến người tiêu dùng luôn được kiểm soát theo Quy chuẩn của Bộ Y tế. Góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ an sinh xã hội của chính quyền địa phương.

- Tích cực tham gia đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội, từ thiện do các cấp phát động. Trong năm 2023 tổng số tiền đóng góp từ nguồn quỹ của Công ty và của người lao động gần 320,24 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty theo đúng định hướng, phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 10 năm, giai đoạn 2016-2025 đã được UBND tỉnh chấp thuận.

- Về công tác quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất của Công ty vẫn ổn định, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục, chất lượng đạt quy chuẩn đạt quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT.

- Các hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Điều hành được duy trì theo đúng điều lệ. Thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin của Công ty đại chúng.



- Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành hoàn thành chỉ tiêu do Đại hội cổ đông giao; chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành.

- Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động, cho cổ đông Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

3.1. Sản xuất kinh doanh:

Chỉ đạo, quản trị hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty để đạt và vượt các chỉ tiêu chính của năm 2024 như sau:

- Sản lượng nước sản xuất : 14.863.000 m³;
- Sản lượng nước tiêu thụ : 12.200.000 m³;
- Tỷ lệ nước thất thoát, thất thu : 18,0%;
- Tổng doanh thu : 136.200 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 30.000 triệu đồng;
- Nộp ngân sách (thuế phí) : 13.500 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 4,0 %.

Công ty đảm bảo thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch góp phần nâng cao doanh thu tiền nước nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung.

3.2. Công tác đầu tư:

Tổng mức đầu tư các dự án trong danh mục đầu tư năm 2024 là 171.550 tỷ đồng, trong đó tập trung ưu tiên thực hiện các dự án trọng điểm như sau:

- Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy nước khu vực Đông Bắc Sông Cầu từ công suất 900m³/ngđ lên 10.000m³/ngđ, phân kỳ đầu tư, giai đoạn đến năm 2025 đạt 5.000m³/ngđ; giai đoạn đến năm 2030 đạt 10.000m³/ngđ với tổng số vốn đầu tư khoảng 110 tỷ đồng (Bố trí vốn trong năm 2024 là 98 tỷ: Vốn huy động cổ đông là 38 tỷ đồng, vốn vay 60 tỷ đồng);

- Dự án Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Cầu từ 5.000 m³/ngày đêm lên 8.000 m³/ngày đêm với tổng vốn đầu tư 30,0 tỷ đồng (Bố trí vốn trong năm 2024: 11,0 tỷ đồng - Vốn huy động);

- Xây dựng tuyến ống truyền tải cấp nước cho thị trấn Phú Thứ và thị trấn Phú Hoà sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước Tuy Hoà với tổng số vốn đầu tư khoảng 30 tỷ đồng (Bố trí vốn trong năm 2024 là 30 tỷ: Vốn của doanh nghiệp là 9 tỷ đồng, vốn vay 21 tỷ đồng).

Ngoài ra, Công ty tiếp tục triển khai mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn toàn Tỉnh để phát triển khách hàng sử dụng nước, phủ kín mạng lưới cấp nước, tăng doanh thu và góp phần phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

3.3. Về quản lý:

- Tăng cường chỉ đạo, giám sát trong thực hiện các hoạt động điều hành doanh nghiệp đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm 2024.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động trong mọi hoạt động sản xuất để đảm bảo hiệu quả và an toàn.

- Tăng cường công tác quản lý tại các nhà máy nước, đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các nhà máy hướng tới an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

3.4. Về nhân sự - lao động:

- Tăng cường thu hút, tuyển chọn và bố trí nhân sự nhằm đảm bảo đủ số lượng lao động với trình độ, kỹ năng, phẩm chất phù hợp với công việc và bố trí đúng công việc để đạt được hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường đào tạo và khai thác để nâng cao trình độ tay nghề, các kỹ năng và nhận thức mới cho người lao động; hướng đến nâng cao các giá trị của tài sản nhân lực cho Công ty nhằm tăng khả năng cạnh tranh cũng như tăng khả năng thích ứng với môi trường đầy thay đổi.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực: Phát huy tối đa khả năng làm việc của người lao động đồng thời tạo ra sự gắn bó trung thành với Công ty; tăng cường các chính sách động viên như khen thưởng, nâng lương trước thời hạn, đề bạt ... góp phần nâng cao tinh thần và nhiệt tình cho người lao động.

- Tăng cường các dịch vụ có tính phúc lợi cho người lao động; công khai đến từng người lao động các thông tin về lao động như chính sách tiền lương, tiền công, thông tin về tuyển dụng, đề bạt, đào tạo, đánh giá kết quả công việc ... để người lao động biết, phấn đấu và gắn bó với lâu dài với Công ty.

V. Báo cáo tài chính:

1. Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã được lập đúng quy định.

2. Công ty đã chọn Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên.

3. Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

Đánh giá của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 3.0117/24/TC-AC ngày 26/3/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh

doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Toàn nội dung Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán được đính kèm theo báo cáo này.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Trưởng BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu VT, Tổ CBTT.

Phú Yên, ngày 15 tháng 5 năm 2024



Đỗ Hoàng Long



